TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 517/2025/HNGĐ–ST
Ngày: 26-8-2025
V/v "Ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trịnh Tiến Thịnh

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Bích Thuận

Bà Châu Thị Lệ

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Quỳnh Anh – Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 7 - Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 7 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa*:* Bà Trần Thị Thùy Dương - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 08 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 7 - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 194/2025/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 02 năm 2025 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 36/2025/QĐXX-HNGĐ ngày 04 tháng 7 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 990/2025/QĐST-HNGĐ ngày 31 tháng 7 năm 2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị Thúy A, sinh năm 1980;
Địa chỉ: Nhà T, số C Tổ D, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh. (*có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)*

- *Bị đơn:* Ông Lê Văn L, sinh năm 1961;
Địa chỉ: Số D đường P, phường A, Thành phố Hồ Chí Minh. (*vắng mặt)*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Trần Thị Thúy A trình bày:

Bà Trần Thị Thúy A và ông Lê Văn L tự nguyện chung sống và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường B, huyện B, thành phố Cần Thơ (hiện nay là phường B, Thành phố Cần Thơ) theo Giấy chứng nhận kết hôn số 42 quyển số 01/2005 ngày 22/03/2005.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc với nhau được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hòa hợp, thường xuyên xảy ra tranh cãi và không tìm được tiếng nói

chung. Dù đã nhiều lần tự hòa giải, cố gắng hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng vẫn không có kết quả, mâu thuẫn phát sinh ngày càng nhiều. Cả hai quyết định sống ly thân được hơn mười năm. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay bà Thúy A yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Lê Văn L.

Về con chung: Bà Trần Thị Thúy A và ông Lê Văn L trong quá trình chung sống có 01 (một) con chung, tên Lê Trần Hồng C, sinh ngày 18/08/2004 (đã trưởng thành)

Về tài sản chung, nợ chung: Bà Trần Thị Thúy A không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình chuẩn bị xét xử vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, Tòa án đã nhiều lần triệu tập bị đơn ông Lê Văn L và đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông. Tuy nhiên, ông L đều vắng mặt, không gửi văn bản trình bày ý kiến, không cung cấp tài liệu, chứng cứ liên quan cho Tòa án.

Tại phiên tòa hôm nay, bà Trần Thị Thúy A có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bà Thúy A giữ nguyên yêu cầu đã trình bày tại các buổi làm việc tại Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 7 - Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn chấp hành đúng quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015. Bị đơn chưa chấp hành đúng quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn bà Trần Thị Thúy A.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Nguyên đơn bà Trần Thị Thúy A yêu cầu được ly hôn với bị đơn ông Lê Văn L, do đó đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân và gia đình. Căn cứ kết quả xác minh của Công an P, quận G (nay là Công an phường A, Thành phố Hồ Chí Minh), xác định bị đơn ông Lê Văn L hiện cư trú và đăng ký tạm trú tại địa chỉ số D đường P, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Công an phường A, Thành phố Hồ Chí Minh) nên Tòa án nhân dân Khu vực 7, Thành phố Hồ Chí Minh thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

Bị đơn ông Lê Văn L đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vẫn vắng mặt mà không có lý do, nên Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt ông Lê Văn L theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn ông Lê Văn L không nộp văn bản ghi ý kiến của mình đối với các yêu cầu khởi kiện nên Tòa án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ mà nguyên đơn đã giao nộp và Tòa án thu thập được để giải quyết vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 96 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

Nguyên đơn bà Trần Thị Thúy A có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ theo Giấy chứng nhận kết hôn số 42 quyển số 01/2005 ngày 22/03/2005 do Ủy ban nhân dân phường B, huyện B, thành phố Cần Thơ (hiện nay là phường B, Thành phố Cần Thơ) cấp, xác định quan hệ hôn nhân giữa bà Trần Thị Thúy A và ông Lê Văn L là hợp pháp.

Sau khi kết hôn, bà Trần Thị Thúy A và ông Lê Văn L phát sinh mâu thuẫn và thực tế đã ly thân với nhau cho đến nay, không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Xét thấy tình cảm vợ chồng giữa bà Trần Thị Thúy A và ông Lê Văn L không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử nhận thấy yêu cầu của bà Thúy A được ly hôn với ông L là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình 2014.

- Về con chung:

Căn cứ bản chính giấy khai sinh số: 58, quyển số 01/2005 ngày 28/03/2005 do Ủy ban nhân dân xã V, Thị xã B, tỉnh Bạc Liêu (nay là phường H, tỉnh Cà Mau) cấp cho bà Lê Trần Hồng C, sinh ngày 18/08/2004.

Căn cứ tài liệu trên, xác định bà Lê Trần Hồng C là con chung của bà Trần Thị Thúy A và ông Lê Văn L.

Bà Trần Thị Thúy A cũng xác định có 01 (Một) con chung tên Lê Trần Hồng C, sinh ngày 18/08/2004, hiện đã trưởng thành. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết trong vụ án này.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà Trần Thị Thúy A không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét. Ông Lê Văn L không có mặt tại phiên tòa, không gửi văn bản trình bày ý kiến đối với vấn đề tài sản chung và nợ chung. Do đó, Hội đồng không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí Hôn nhân sơ thẩm: Án phí sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), bà Trần Thị Thúy A tự nguyện chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; Điều 39; Điều 207; Điều 227; Điều 228; Điều 238 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

- Điều 51, Điều 53, Điều 56 và Điều 57 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn giảm, thu, nộp và quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị Thúy A.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Thúy A được ly hôn với ông Lê Văn L. Giấy chứng nhận kết hôn số 42 quyển số 01/2005 ngày 22/03/2005 tại Ủy ban nhân dân phường B, huyện B, thành phố Cần Thơ (hiện nay là phường B, Thành phố Cần Thơ) không còn hiệu lực.

- Về con chung: Có 01 (Một) con chung tên Lê Trần Hồng C, sinh ngày 18/08/2004, hiện đã trưởng thành. Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết trong vụ án này.

- Về tài sản chung, nợ chung: Bà Trần Thị Thúy A không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết trong vụ án này.

2. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm:

Án phí đối với yêu cầu ly hôn là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), bà Trần Thị Thúy A tự nguyện chịu nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0057368 ngày 26/02/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Trần Thị Thúy A đã nộp đủ án phí.

3. Về quyền kháng cáo:

Các đương sự có quyền kháng cáo đối với bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên Toà hoặc không có mặt khi Tòa tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày tính từ ngày họ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND TP.Hồ Chí Minh;
- VKSND Khu vực 7 - TP.HCM;
- THADS TP.Hồ Chí Minh;
- UBND Phường B, TP.Cần Thơ;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Trịnh Tiến Thịnh